

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2024/HS-PT

Ngày 21-08-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Chát.

Bà Phạm Thị Mai Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Phong – Thư ký TAND tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:

Bà Đinh Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 66/2024/TLPT-HS ngày 20 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Duy T và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2024/HS-ST ngày 03 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Nguyễn Duy T**, sinh năm 1992 tại Hải Dương. ĐKKHKT và nơi cư trú: thôn X, xã Q, thị xã K, tỉnh Hải Dương; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Duy N và bà Nguyễn Thị B; Tiền án, tiền sự: Không. Tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo tại ngoại.

Có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1970 tại Hải Dương. Nơi ĐKKHKT và cư trú: thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị O; Vợ: Lê Thị N1, sinh năm 1971; Bị cáo có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 46/2018/HS-ST ngày 21/8/2018, Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xử phạt Hoàng 8 tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc (đã chấp hành xong). Tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo tại ngoại.

Có mặt tại phiên tòa.

- Ngoài ra còn có 3 bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo,

kháng nghị.

- Bị hại: Công ty TNHH N2. Địa chỉ: KCN T, xã T, huyện C, tỉnh Hải Dương. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Thị C – Trưởng phòng Hành chính nhân sự công ty.

Vắng mặt.

- Người làm chứng:

+ Anh Nguyễn Trọng X, sinh năm 1973;

+ Chị Lê Thị Thu H1, sinh năm 1997;

Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Duy T là công nhân quản lý kho bìa carton của Công ty TNHH N2 (gọi tắt là Công ty N3), địa chỉ khu công nghiệp T, xã T, huyện C, tỉnh Hải Dương. Nguyễn Văn H là lái xe, Đào Văn Đ và Nguyễn Văn V là phụ xe của Công ty cổ phần B1 (gọi tắt là Công ty B1), địa chỉ thôn M, xã T, huyện B, do ông Vũ Xuân H2 Chủ tịch hội đồng quản trị là đại diện hợp pháp. Nguyễn Duy T có quan hệ quen biết với Nguyễn Thị H3 và Nguyễn Văn H. Công ty N3 mua các loại bìa carton và tấm đệm (lót) bì carton của Công ty B1, từ năm 2017.

Tại Công ty N3, T được phân công nhiệm vụ là quản lý nhập, xuất bìa carton trong kho, báo số lượng bìa carton bị hư hỏng, rách, lỗi cho chị Thạch Thị Huyền T2, là nhân viên bộ phận vật tư để lên kế hoạch nhập bìa carton hàng tuần. Thấy việc quản lý bìa carton bị hư hỏng, rách, lỗi, không có sổ theo dõi, T nảy sinh ý định cùng với lái xe của Công ty B1, chiếm đoạt bìa carton của công ty.

Ngày 10/10/2023, T đến cơ sở thu mua phế liệu của Nguyễn Thị H3 ở khu T, thị trấn L, huyện C, thống nhất với H3 về việc T sẽ cùng với lái xe của Công ty B1 lấy bìa carton của Công ty N3 bán cho H3. Khi lái xe của Công ty B1 trên đường đến Công ty N3 giao hàng, sẽ liên hệ với Huế để bán một phần bìa carton. Sau khi T làm thủ tục nhập hàng vào Công ty N3, Huế đưa cho T và lái xe mỗi người một nửa số tiền bán được, H3 đồng ý cho T số điện thoại 0395666299 để liên hệ.

Ngày 11/10/2023, T gọi điện và nhắn tin qua mạng xã hội zalo cho Nguyễn Văn H thống nhất, khi H nhận được phiếu xuất hàng của công ty B1 sẽ báo cho T biết, T tính toán số lượng bìa carton có thể chiếm đoạt báo cho H để H mang bán cho H3 thì H đồng ý. T cho H số điện thoại của Huế để liên hệ.

Khoảng 10 giờ ngày 12/10/2023, H cùng Đào Văn Đ và Nguyễn Văn V được Công ty B1 giao nhiệm vụ sử dụng xe ô tô BKS 34C- 10478 chở 1250 vỏ thùng bìa carton và 5200 tấm đệm (lót) bìa carton giao cho Công ty N3. Hoàng chụp phiếu xuất kho của Công ty B1 gửi qua Zalo cho T, sau khi tính toán T bảo H mang 300 vỏ thùng bìa carton và 2500 tấm đệm bán cho H3 trước khi giao hàng

vào công ty N3. Trên đường đi, H nói cho Đ và V biết việc đã thống nhất với T chiếm đoạt 300 vỏ thùng bìa carton và 2500 tấm đệm bìa carton bán cho H3, số tiền bán bìa carton, H, Đ, V được chia một nửa thì Đ và V đồng ý. Khoảng 10 giờ cùng ngày, H sử dụng sim điện thoại số 0346680489 gọi đến số điện thoại 0395666299 của Huế, nhưng do H3 đi chợ không mang theo điện thoại nên anh Nguyễn Trọng X (chồng Huế) nghe máy. H nói với anh X muốn gặp Huế để bán bìa carton nên anh X gọi H3 về cửa hàng rồi anh X đi về nhà ở thôn N, thị trấn L, huyện C. Khoảng 10 giờ 20 phút cùng ngày, H lùi xe vào kho phế liệu của Huế, V và Đ chuyển 300 vỏ thùng bìa carton và 2500 tấm đệm bìa carton xuống kho phế liệu của Huế, Huế cân được tổng số 450kg. Huế và H thỏa thuận giá 2.300 đồng/kg, thành tiền là 1.035.000 đồng. Sau đó, H điều khiển xe đến Công ty N3 giao bìa carton cho T, T ký nhận đủ hàng trong phiếu xuất kho của Công ty B1 và báo cho chị Lê Thị Thu H1 là trợ lý phụ trách quản lý, theo dõi nhập, xuất bìa carton tại văn phòng của công ty về việc đã nhận đủ số bìa carton của Công ty B1. Đến 11 giờ cùng ngày, khi H, Đ, V về cửa hàng phế liệu của H3 lấy tiền thì bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C kiểm tra, phát hiện, thu giữ xe ô tô BKS 34C-10478 và 300 vỏ thùng bìa carton và 2500 tấm đệm carton trong kho của Huế. Ngoài ra, Huế tự nguyện giao nộp 17 bó thùng bìa carton và 292 tấm bỏ lót bìa carton in thông tin của công ty N3, Huế đã thu mua từ lâu (không nhớ rõ thời gian và người bán). Cùng ngày, công ty N3 có đơn trình báo, vụ việc được điều tra làm rõ.

Ngày 12/10/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã quản lý điện thoại Iphone 7 plus, màu trắng, lắp sim số 0346680489 của Nguyễn Văn H; điện thoại Iphone X, màu vàng, lắp sim số 0345047020 của Nguyễn Duy T và điện thoại Iphone 6, màu trắng, lắp sim số 0395666299 của Nguyễn Thị H3.

Kết luận định giá tài sản số 38/KLHĐĐG-TTHS, ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND huyện C, kết luận: 300 vỏ thùng bìa carton, trị giá 5.070.000 đồng; 2500 tấm đệm carton, trị giá 3.150.000 đồng.

Tại bản án Hình sự sơ thẩm số 27/2024/HS-ST ngày 03 tháng 4 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương đã căn cứ vào khoản 1 Điều 353; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Duy T, bị cáo Nguyễn Văn H.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Duy T và Nguyễn Văn H phạm tội: Tham ô tài sản.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Duy T 28 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Bị cáo Nguyễn Văn H 27 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 353; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Thị H3, Đào Văn Đ, Nguyễn Văn V. Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đào Văn Đ, bị cáo Nguyễn Văn V.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thị H3, Đào Văn Đ, Nguyễn Văn V phạm tội: Tham ô tài sản.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị H3 26 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 52 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị cáo Đào Văn Đ 25 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 50 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Văn V 25 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 50 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về vật chứng, án phí, quyền kháng cáo và các vấn đề khác.

Ngày 05/4/2024, bị cáo H có đơn kháng cáo phần hình phạt của bản án, xin được hưởng án treo.

Ngày 08/4/2024, bị cáo T có đơn kháng cáo phần hình phạt của bản án, xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo T nộp biên lai thu tiền án phí hình sự sơ thẩm giữ nguyên nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo, thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét bị cáo đã thành khẩn khai báo, có tình tiết giảm nhẹ mới, chấp nhận kháng cáo cho bị cáo hưởng án treo.

Bị cáo H thừa nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện như nội dung bản án sơ thẩm mô tả. Bị cáo nhất trí với mức hình phạt tù của bản án sơ thẩm, nhưng xác định mình được hưởng lợi ít, hành vi phạm tội đơn giản, đề nghị HĐXX xem xét, cho bị cáo hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Duy T; sửa bản án hình sự sơ thẩm số 27/2024/HS-ST ngày 03 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương về phần hình phạt đối với Nguyễn Duy T.

Căn cứ: khoản 1 Điều 353; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Duy T về tội Tham ô tài sản.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Duy T 28 tháng tù, cho hưởng án treo với thời gian thử thách là 56 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân xã Q, thị xã K, tỉnh Hải Dương giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn H; giữ nguyên hình phạt của bản án hình sự sơ thẩm số 27/2024/HS-ST ngày 03 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương đối với Nguyễn Văn H

Căn cứ: khoản 1 Điều 353; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn H.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H 27 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án về tội Tham ô tài sản.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội về án lệ phí Tòa án: Bị cáo H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của các bị cáo trong thời hạn luật định, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với nhau, với lời khai của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, phiếu xuất kho và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 12/10/2023 tại công ty TNHH N2, địa chỉ khu công nghiệp T, xã T, huyện C, tỉnh Hải Dương, lợi dụng việc được Công ty N3 giao quản lý việc xuất, nhập bì carton của công ty, Nguyễn Duy T đã thống nhất với Nguyễn Thị H3, Nguyễn Văn H, Đào Văn Đ và Nguyễn Văn V chiếm đoạt tài sản của công ty TNHH N2, bằng cách T giao cho H với sự giúp sức của V và Đ đem bán 300 vỏ thùng bì carton và 2500 tấm đệm (lót) bì carton (trong tổng số 1250 vỏ thùng bì carton và 5200 tấm đệm (lót) bì carton của công ty N3 mua của công ty B1) cho H3 (T đã thống nhất với H3 từ trước khi thực hiện hành vi chiếm đoạt, H3 biết rõ và nhất trí). Mặc dù số lượng vỏ thùng bì carton và tấm đệm lót bì carton thực tế nhập vào công ty N3 không đủ số lượng, T vẫn ký xác nhận đủ số lượng hàng nhập vào kho và báo cáo đến người có thẩm quyền của công ty N3 là đã nhập đủ hàng. Bằng hành vi này, các bị cáo đã chiếm đoạt của công ty N3 tài sản là vỏ thùng bì carton và tấm đệm lót bì carton, trị giá 8.220.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm vào sự hoạt động đúng đắn của tổ chức, đồng thời xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công ty N2. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Tham ô tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật hình sự. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng đã kết án các bị cáo về tội Tham ô tài sản theo khoản 1 Điều 353 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo về hình phạt của các bị cáo thì thấy:

[3.1]. Đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Duy T:

Tại cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đóng góp quỹ phòng chống Covid tại địa phương; bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; Tại giai đoạn phúc thẩm bị cáo T đã nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm, thể hiện sự ăn năn hối cải của bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ mới, quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cần áp dụng thêm cho bị

cáo; Tuy nhiên, mức hình phạt 28 tháng tù cấp sơ thẩm áp dụng đã là phù hợp với tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, vai trò bị cáo trong đồng phạm, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng, do vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm không giảm mức hình phạt tù của bản án sơ thẩm đã quyết định. Xét kháng cáo về việc cho hưởng án treo thì thấy: Bị cáo T và các bị cáo khác trong vụ án phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, do lợi dụng sự lỏng lẻo trong quản lý tài sản của công ty N3; bị cáo T có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tại cấp phúc thẩm có thêm tình tiết giảm nhẹ mới thể hiện thái độ ăn năn hối cải của bị cáo, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, xét thấy không cần thiết phải buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù tại cơ sở giam giữ, mà áp dụng điều 65 của Bộ luật Hình sự, cho bị cáo hưởng án treo, chấp hành thời gian thử thách, dưới sự giám sát của chính quyền cũng đủ khả năng giáo dục, cải tạo bị cáo thành người có ích trong xã hội.

[3.2]. Đối với kháng cáo bị cáo Nguyễn Văn H xin hưởng án treo:

Bị cáo Hoàng giữ vai trò người thực hành tích cực trong vụ án thể hiện ở việc: bị cáo là người thông tin cho T biết số lượng bao bì mà công ty B1 xuất bán cho công ty N3, rủ Đ và V cùng tham gia đem bán bì carton và trực tiếp lái xe đem bì carton đi bán để chiếm đoạt tài sản của công ty N3. Bị cáo có nhân thân xấu, tại bản án hình sự sơ thẩm số 46/HS-ST ngày 21/8/2018, Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xử phạt Hoàng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc, bị cáo không rút kinh nghiệm mà tiếp tục phạm tội lần này với vai trò tích cực như vậy trong đồng phạm, thể hiện thái độ coi thường pháp luật của bị cáo. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo.

[4]. Kháng cáo của bị cáo T được chấp nhận, bị cáo T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Kháng cáo của bị cáo H không được chấp nhận, bị cáo H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Duy T; sửa bản án hình sự sơ thẩm số 27/2024/HS-ST ngày 03 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương đối với Nguyễn Duy T.

Căn cứ: khoản 1 Điều 353; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Duy T.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Duy T 28 (hai mươi tám) tháng tù, cho hưởng án treo với thời gian thử thách là 56 (năm mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (21/8/2024) về tội Tham ô tài sản.

Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân xã Q, thị xã K, tỉnh Hải Dương giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay

đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn H; giữ nguyên hình phạt của bản án hình sự sơ thẩm số 27/2024/HS-ST ngày 03 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương đối với Nguyễn Văn H.

Căn cứ: khoản 1 Điều 353; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn H.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H 27 (hai mươi bảy) tháng tù về tội Tham ô tài sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (bắt tạm giam bị cáo ngay tại phiên toà ngày 21/8/2024).

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội về án lệ phí Toà án: Bị cáo H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh HD;
- TAND huyện Cẩm Giàng;
- CQCSĐT, CQTHAHS, CQHSNV Công an huyện Cẩm Giàng;
- VKSND huyện Cẩm Giàng.
- Chi cục THADS huyện Cẩm Giàng;
- Các bị cáo;
- Lưu Tòa; lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Văn Cường